

LỊCH SỬ VĂN MINH MỸ THEO CÁCH LÝ GIẢI CỦA CÁC HỌC THUYẾT VỀ LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA CỦA CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU HOA KỲ HỌC

NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG*

Cách đây gần 100 năm, một nhà triết học và sử học nổi tiếng người Italia, Benedetto Croce đã viết “mọi lịch sử thật sự chỉ là lịch sử hiện thời”. Theo cách nhận xét như vậy ông đã thể hiện quan điểm rằng lịch sử chỉ có ý nghĩa ở mức độ nó đáp ứng suy nghĩ của những người nhìn nhận được trong quá khứ vấn đề của tương lai. Cách nhìn nhận này có thể nói là khá thích hợp với các nhà viết sử của nước Mỹ bởi vì dường như các nhà sử học hoặc giảng dạy lịch sử của nước Mỹ thường có chiều hướng giải thích lịch sử theo các trường phái tồn tại trong thời đại của họ hoặc theo luận thuyết họ tự đúc kết từ kinh nghiệm nghiên cứu của mình. Việc đổi mới tư duy nghiên cứu lịch sử không chỉ tồn tại ở Mỹ mà ở cả các nước phương Tây vì như Fernand Braudel tuyên bố ở bài diễn văn của ông đọc lúc được kết nạp vào viện Hàn lâm Pháp năm 1985 “sử học không ngừng bị cản vạ, buộc phải đổi mới, cần thiết phải có những lần trẻ lại liên tiếp. Vì nếu mọi xã hội đều nhất thiết quay về quá khứ của mình để tự biện minh, để tìm thấy ngoài thời gian, những thủ thuật, chỗ náu hay duyên cớ, ngay cả những lời an ủi, thì xã hội đó cũng

chờ đợi những lời giải đáp mới cho câu hỏi mới làm cho nó trần trở” (1). Và theo họ, một nhà sử học, muốn tồn tại, buộc phải khẳng định sự khác biệt của mình, phải vứt bỏ ảnh hưởng của người khác, phải định rõ chỗ đứng trong thế hệ mình (2).

Ngoài ra, một thực tế rõ ràng là cho đến nay, trong cộng đồng nghiên cứu về lịch sử các nền văn minh dường như các nhà nghiên cứu Mỹ thường đi đầu trong việc sản sinh ra các giả định hoặc trường phái hay các luận thuyết để giải thích một hiện tượng hoặc một giai đoạn lịch sử nhất định. Đây liệu có phải là một nhận xét chính xác hay không? Và điều này có ảnh hưởng như thế nào đối với cách thức người Mỹ đánh giá và nhìn nhận thế giới hay không? Nhìn chung, sở dĩ các nhà sử học Mỹ thường đưa ra cách giải thích khác nhau theo từng giai đoạn lịch sử là do một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, quan điểm của các nhà sử học Mỹ ở mỗi thế hệ nhất định thường bị ảnh hưởng bởi những thay đổi lớn diễn ra của chính Liên bang Mỹ. Thường các nhà nghiên cứu đều muốn viết ra các kết quả nghiên cứu của mình, cho dù là tinh tế hoặc rõ ràng về các vấn đề hoặc về những

dự báo đối với thời kỳ họ đang sống hoặc tương lai. Vì vậy, mỗi thế hệ tiếp sau đó, thường viết lại lịch sử của nước Mỹ, một phần nhằm thoả mãn những nhu cầu do thời đại của họ đặt ra và một phần cũng là để khẳng định “cái tôi” của mỗi nhà nghiên cứu. Ví dụ, trong thời kỳ đầu lập quốc, do ảnh hưởng của tư tưởng Thanh giáo (3) các nhà sử học Mỹ đã coi nước Mỹ được tạo nên bởi ý nguyện của Chúa Trời. Vùng Anh Mới được Chúa chọn để cho những người con của Chúa có được cuộc sống tốt hơn. Tác phẩm đáng được để ý trong thời kỳ này là “Về Trang Trại của Plimouth” (*Of Plimouth Plantation*) của William Bradford (4). Đến thời kỳ chịu ảnh hưởng của Phong trào khai sáng, các nhà sử học Mỹ lại coi đất nước này là kết quả của sự tiến bộ của trí tuệ và con người...

Thứ hai, bức tranh về lịch sử nước Mỹ thường thay đổi do những biến chuyển trong suy nghĩ của chính giới sử học. Chúng xảy ra ngay trong nội tại các công trình nghiên cứu của giới sử học hoặc các nhà nghiên cứu bởi vì lịch sử cũng như các nguyên tắc khoa học khác, khi phát triển theo hướng được định hình, thường hướng đến việc tạo nên một điều gì mới. Và khi các nhà nghiên cứu cảm thấy rằng họ đã đạt tới giới hạn nhất định, trong việc vận dụng cách thức giải thích có thể được cộng đồng của họ chấp nhận, họ thường hoặc đưa ra những chỉnh sửa đối với một quan điểm, mặc dù có thể đang ở vị trí có ưu thế hoặc ở vị trí không cao, và hướng chúng theo một hướng mới theo định hướng chính bản thân các nhà nghiên cứu mong đợi.

Hơn thế nữa, có một thực tế là mỗi thế hệ các nhà nghiên cứu người Mỹ thường giải thích lịch sử theo cách nhìn nhận của thế hệ họ. Tại sao lại như vậy? Một trong lý giải quan trọng nhất chính là các học giả Mỹ thường có khuynh hướng xem xét lại

quá khứ theo những ý tưởng, giả thuyết và cách lập luận nổi trội trong thời đại họ sinh trưởng. Các nhà nghiên cứu thường đều phát triển môi trường cho quan điểm riêng của họ hình thành và có thể truyền bá rộng rãi. Vì vậy, mỗi thế hệ sử gia Mỹ đều tìm cách viết lại sử của đất nước theo cách thức phù hợp với cách suy nghĩ của bản thân họ. Mặc dù còn có những lý do khác giải thích cho việc suy diễn khác nhau của các nhà sử học Mỹ về lịch sử của Liên bang Mỹ nhưng sự thay đổi về môi trường là một trong những nhân tố quan trọng đưa đến sự thay đổi nhất thời về quan điểm của một số nhà sử học về quá khứ. Bên cạnh đó, việc tự coi mình là trường phái nào khi lý giải một hiện tượng cũng là thói quen của các nhà nghiên cứu.

Rõ ràng, các nhà nghiên cứu sử học không thể “xem xét văn minh Mỹ như xem xét văn minh nước khác.” Nền văn minh này sẽ còn tiếp tục thay đổi vì đây là một nền văn minh quá ngắn nếu đem ra so với các nền văn minh lâu đời khác đã tồn tại. Việc nghiên cứu và tham khảo cách các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ học đưa ra các luận thuyết hoặc các trường phái hoặc cách họ giải thích một vấn đề văn hoá hay lịch sử sẽ giúp cho giới học giả nói chung và các giảng viên giảng dạy lịch sử thế giới trong hệ thống các trường đại học Việt Nam có được thêm sự nhận biết về những phương pháp lý giải tồn tại trong cộng đồng nghiên cứu quốc tế. Nhằm góp phần giải đáp cho những thắc mắc nêu ở phần trên, tác giả công trình này sẽ tập trung vào hai vấn đề chính sau:

1. Một số học thuyết thường được vận dụng trong nghiên cứu văn minh Hoa Kỳ

Các cách đề cập và phân tích văn minh Mỹ là rất phong phú, đa dạng, ở nhiều mức độ và bao hàm cả tính tích cực lẫn tiêu cực.

Cho đến nay, trong đến thời kỳ hiện tại, cộng đồng các nhà nghiên cứu và giảng dạy Hoa Kỳ học đã xây dựng và hình thành nhiều trường phái và luận thuyết được nhiều người đề cập trong các công trình nghiên cứu văn minh Hoa Kỳ của mình. Để tìm hiểu cũng như lý giải lịch sử nước Mỹ và văn minh Hoa Kỳ, các nhà nghiên cứu thường tham khảo những luận thuyết lớn do một số học giả có tên tuổi khởi xướng. Các nhà văn nổi tiếng, từ Thomas Jefferson, Frederick Jackson Turner, Hector St. John Crèvecoeur trong thế kỷ XVIII và Alexis de Tocqueville, Harriet Martineau, Max Weber, William James và Lord Bryce trong thế kỷ XIX đến Gunnar Myrdal, David Potter, Zangwill và Louis Hartz trong thế kỷ XX đều được coi là những người có những phân tích xác đáng về nước Mỹ trong thời kỳ đầu. Ngày nay, các nhà khoa học được coi là hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu xã hội và văn hoá Mỹ như Samuel P. Huntington, Walter Dean Burnham, Ira Katznelson; các nhà sử học, xã hội học như Kenneth Karst, John Diggins và cả các nhà phân tích khác vẫn đang tiếp tục tìm kiếm, khai phá và lý giải cho những nhận định về quá trình hình thành và phát triển của nước Mỹ. Các luận thuyết này được đưa ra trong những thời kỳ lịch sử nhất định của nước Mỹ, bao quát chiều hướng phát triển của những thói quen và tập quán chung, thể hiện những đặc điểm chính của xã hội và con người Mỹ trong thời điểm mà luận thuyết đó được sinh ra. Đây là những luận thuyết được hầu hết các nhà nghiên cứu Mỹ vận dụng để tìm hiểu về đất nước và con người Mỹ và là “những luận thuyết hữu ích nhất, sáng sủa nhất, đầy đủ nhất” (5). Nhằm cung cấp thêm một nguồn tham khảo, tác giả bài viết xin giới thiệu dưới đây một số luận thuyết chính, cơ bản mặc dù được đưa ra từ

thời kỳ đầu nhưng góp phần lý giải xác đáng nền văn minh của Hoa Kỳ, và vẫn có giá trị trong thời đại hiện nay

Thuyết Nền Dân chủ (Democracy) của Alexis de Tocqueville (6) nghiên cứu các thể chế của Mỹ một cách toàn diện để từ đó chỉ ra những nguyên tắc chính chi phối sự phát triển theo hướng đi lên của xã hội Mỹ mà tới tận bây giờ vẫn còn nhiều điểm xác đáng. Những nguyên tắc đó đề cao chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa cá nhân và tinh thần độc lập trong khi đề xướng một nền dân chủ theo đa số. Quan toà độc lập với quyền lực chính trị, nhà báo hay cá nhân đều có quyền tự do ngôn luận, chính quyền địa phương có quyền tự trị dưới sự kiểm soát chặt chẽ của cử tri tương đối độc lập với chính quyền trung ương. Như vậy, mọi quyền lực đều thuộc về số đông (7).

Tác phẩm “Nền Dân chủ ở Mỹ” của ông có thể được coi là một cuốn sách tham khảo bổ ích đối với bất kỳ ai có ý đồ giải mã những nguyên tắc cơ bản của nền chính trị Mỹ đương đại. Sau khi mô tả chế độ và nghiên cứu thể chế của nó một cách chi tiết và thấu đáo, ông đã chỉ ra những nguyên tắc chính làm nền tảng cho sự phát triển của xã hội này. Công trình của Tocqueville đã giúp bạn đọc hiểu được nước Mỹ ở thời đại của ông - thời kỳ Tổng thống Andrew Jackson. Ông cũng chú ý đến tính năng động, thái độ nhiệt tình trong công việc và đặc biệt là một xã hội giàu có đã biết cách phân phối một khối lượng tài sản tập thể khổng lồ với tỷ lệ cao hơn dành cho mỗi cá nhân. Đồng thời ông cũng cho rằng, chủ nghĩa bình quân kiểu Mỹ cũng là “mối đe dọa trong tương lai”. Theo ông, xã hội Mỹ với xu hướng chạy theo đồng tiền và sung sướng vật chất vô hạn độ tất sẽ dẫn đến sự xuất hiện một tầng lớp giàu có bên cạnh tầng lớp nghèo, và một giai cấp quý tộc sẽ lại nảy sinh (8). Công trình nghiên cứu của

ông cũng góp phần cho chúng ta hiểu được một mảng của sự phát triển văn hóa Mỹ trong những thế kỷ sau ông.

Thuyết Miền biên cương (Frontier) của Frederick Jackson Turner (9) nói về những đợt tiến quân lần lượt của những người mở đường, chủ trang trại, những thợ thủ công, rồi đến thương nhân và những người làm dịch vụ... sang miền Tây nước Mỹ. Đáng chú ý khái niệm “miền Tây - miền biên cương” ở đây không cố định: nghĩa là bao giờ ta cũng ở về phía Tây của một người nào khác để rồi biên cương cứ tiến xa dần bờ biển Đại Tây Dương, băng qua miền Trung Tây rồi đến miền Viễn Tây và kết thúc quá trình chiếm lĩnh hoàn toàn các vùng lãnh thổ của nước Mỹ ngày nay vào năm 1890. Cái lãnh thổ luôn chuyển động ấy, nơi những người tiên phong khai phá tiếp xúc trực tiếp với đất hoang và các bộ tộc da đỏ - thuộc về một nền văn minh khác hẳn - đã làm nảy sinh những cách xử thế mới, góp phần hình thành tính cách của dân tộc.

Theo ông, những người khai phá phải xoay sở mọi thứ và hành động theo cá tính riêng của mình, vì lợi ích của riêng mình, đồng thời dựa vào những người xung quanh để đảm bảo sự sống còn, và cũng để giúp họ khi cần. Họ đã làm một việc tự giải phóng thật sự, như cha ông họ đã rời bỏ châu Âu để thoát khỏi những ràng buộc xã hội.

Đây là một thuyết được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng để giải thích cho các đặc điểm văn hóa Mỹ nhưng cũng là một học thuyết bị chỉ trích nhiều nhất. Turner đã giải thích nền văn hóa Mỹ bởi tinh thần của những người đi tiên phong khai phá, và những người phản bác ông cũng phải thừa nhận: thuyết miền biên cương không giải thích được tất cả, song nó đưa ra nền móng cho một cách lý giải tổng thể, tuy không đầy đủ nhưng khá chặt chẽ.

Theo Turner, những người tiên phong đã thực hiện những công việc tự giải phóng thật sự. Đây sẽ là điểm xuất phát hoặc sự nối tiếp của xu hướng cá nhân chủ nghĩa vốn là một trong những tính cách vững bền nhất của văn hóa Mỹ, một biểu hiện nghi kỵ mọi thể chế cứng nhắc, một ý chí chỉ làm theo ý mình. Theo tinh thần ấy, người Mỹ phải có một niềm tin mạnh mẽ, một bản năng hành động liên tục, không sợ rủi ro. Nó cũng thể hiện ý muốn thực sự được phân quyền, mà chế độ liên bang chỉ là hệ quả của ý chí đó.

Thuyết *Miền biên cương* của Jackson Turner có thể coi như là một phương pháp khảo sát, một căn cứ xuất phát, một cửa mở. Được sử dụng một cách thận trọng, nó sẽ là một công cụ đặc biệt hữu hiệu trong việc kiến giải những nguồn gốc và đặc điểm của văn hóa Mỹ (10).

Thuyết Phồn vinh (Abundance) của David Potter (11) chứng minh sự phồn vinh ảnh hưởng đến tính cơ động về địa lý và xã hội nước Mỹ. Theo ông, nước Mỹ với nhiều vùng đất đai rộng lớn chưa được khai thác - chính là sự phồn vinh, đã tạo nên động cơ kích thích thúc đẩy toàn bộ quá trình phát triển của nước Mỹ. Thuyết *Phồn vinh* giải thích tính cơ động về xã hội, cho rằng sự phồn vinh tạo nên sự bình đẳng xã hội và thay vì đi tới chủ nghĩa bình quân tuyệt đối, nó đã động viên sự tiến bộ chung, tạo ra sự lạc quan và nuôi sống sự tiến bộ. Theo ông, sự phồn vinh ấy giống như “cánh cửa mở dẫn vào những tài nguyên vô hạn mà chưa được ai khai thác”.

Theo David Potter, thì “chủ nghĩa bình quân” nếu hiểu theo đúng nghĩa của người Mỹ, sẽ có nghĩa là “bình đẳng về cơ hội” và phồn vinh có tính kích thích: ở đó luôn có sự chiếm hữu mới và những người giỏi nhất sẽ được tiếp cận và hưởng thụ những thành

quả trước tiên. Chính những “tài nguyên” về cơ hội ấy đã đưa lại và củng cố niềm lạc quan cho những người mở đường. Chính chúng cũng làm giảm nhẹ đi cảm giác về sự thiếu thốn ở hiện tại và tạo động lực để anh ta chấp nhận một cách tự nguyện với hy vọng ngày mai sẽ tươi sáng hơn. Ông cũng nhấn mạnh rằng, cái chí khai thác, tận dụng tài nguyên hữu hình và sẵn có của đất nước làm cho người Mỹ đôi khi ngoảnh mặt không quan tâm đến những gì không cụ thể, không sờ mó thấy.

Tuy nhiên, Potter cũng lưu ý, sự phồn vinh sung túc này sẽ dẫn đến những hệ quả không lấy gì làm vui vẻ lắm. Người Mỹ cứ muốn cả thế giới cũng hưởng sự tốt đẹp như họ nhưng lại không hiểu rằng người ta không thể đạt tới một nền dân chủ nếu không có một mức độ sung túc như Mỹ. Người Mỹ lẽ ra không nên xuất cảng sự giàu có của mình cho các quốc gia khác mà thay vào đó, nên chỉ ra giúp họ cách khai thác hiệu quả hơn đối với những của cải mà họ sở hữu.

Thuyết *Phồn vinh* của Potter thực ra là sự tiếp nối và đi xa hơn thuyết *Miền biên cương* của Turner. Potter đã chỉ ra sự vận dụng quá trình mà Turner đề xướng vào sự phát triển công nghiệp và thương nghiệp ở nước Mỹ. Theo ông, sung túc là một biểu hiện “nửa vật chất, nửa văn hoá” cho phép làm sáng tỏ hơn những nhận định phổ biến về nền văn hóa Mỹ mà những nhà nghiên cứu khác đưa ra (12).

Thuyết Đa dạng bất ổn (Pluralism instable) của Michael Kammen (13) chứng minh rằng văn hóa Mỹ có đặc điểm chủ yếu là đa dạng bất định. Ông đã dựa vào rất nhiều nghịch lý xuất hiện trên lĩnh vực văn hóa, nhất là ở thời thuộc địa mà ông nghiên cứu. Kammen đã nhấn mạnh đến tính lưỡng thể của văn hoá Mỹ - đó là hiện tượng nhập cư vừa dung nạp vừa chối bỏ.

Có thể đây là nét nghịch lý của người mở đường, pha trộn bản năng tập quyền với chủ nghĩa cá nhân, là đặc điểm xuyên suốt lịch sử xã hội Mỹ. Sự đối lập có tính hai mặt trong chính sách đối ngoại Mỹ, theo Kammen thể hiện ở hình ảnh con đại bàng quắp trong chân cành ô liu và những mũi tên trên Đại ấn của Liên bang Mỹ.

Các loại dấu hiệu hai mặt ấy tạo ra một thể lưỡng thể có lẽ chưa ở đâu có mà giải quyết được sự đối nghịch của chúng thì liên kết được chúng, hệ quả là chúng ta thấy nền văn hóa Mỹ như một tập hợp đa dạng bất định. Hơn nữa, sự căng thẳng giữa các xu hướng trái ngược lại tạo thuận lợi để nền văn hóa Mỹ tồn tại và phát triển một cách độc lập tương đối với những nền văn hóa khác trên thế giới.

Theo quan điểm của Kammen, Liên bang Mỹ là một bãi chiến trường, một rừng rậm văn hóa chỉ thoát ra bằng sự đào thải tự nhiên và liên tục (14).

Thuyết Darwin xã hội (15) - cho rằng con người sống trong xã hội cũng theo quy luật đào thải như trong rừng rú, những người phù hợp với hoàn cảnh nhất sẽ là những người tồn tại được. Thuyết Darwin về tự nhiên đã được một số nhà nghiên cứu xã hội phương Tây trong đó đi đầu là Herbert Spencer, người Anh. Năm 1851, ông đã xuất bản cuốn sách đầu tiên về chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do cho rằng một hệ thống kinh tế có hiệu quả cần cho phép cạnh tranh trong kinh doanh mà không có sự can thiệp của nhà nước. Theo Herbert Spencer thì cạnh tranh là quy luật của cuộc sống và chỉ những người phù hợp với hoàn cảnh nhất sẽ là những người còn sống sót, những người không phù hợp cần dần dần được loại bỏ vì họ không có khả năng cạnh tranh. Và chính phủ không nên can thiệp vào quá trình này, bởi vì như vậy là sẽ gây cản trở cho quá trình văn minh hóa (16).

Học thuyết này cũng lý giải cho tính cạnh tranh cao trong xã hội Mỹ. Theo cách giải thích của thuyết Darwin xã hội thì nước Mỹ luôn luôn tồn tại các cuộc chạy đua để thích nghi và để giành chiến thắng. Kẻ mạnh nuốt chửng kẻ yếu, khôn thì sống nhưng những kẻ tồn tại được lại giúp người yếu đứng dậy. Kẻ thắng theo đúng luật thì được coi trọng còn nếu thắng bằng thủ đoạn xấu thì bị kinh miệt. Tuy nhiên, điều quan trọng là quyền bình đẳng các cơ may phải được duy trì.

Thuyết này phù hợp với chủ nghĩa tự do. Nó thừa nhận chủ nghĩa bành trướng: vì đây được coi là phần thưởng chính đáng cho kẻ thắng cuộc. Nó mặc nhiên yêu cầu có sự thích ứng để luôn có những cuộc khởi hành mới, nó gắn chặt với tinh thần lạc quan và dũng cảm của người Mỹ (17). Đây là một trong những thuyết được nhiều nhà triết học và xã hội sử dụng góp phần lý giải cho tư tưởng nước lớn của người Mỹ.

Ngoài các thuyết chủ yếu nêu trên, một số thuyết khác cũng được đề cập tuy không phổ biến như thuyết *Nông bản* (*Agrarianisme*) của Jefferson, thuyết *Thực dụng* (*pragmatism*) của Williams James hay *Sự va chạm của các nền văn minh* (*the Clash of civilizations*) của Huntington... Các học thuyết lý giải về văn hóa Mỹ của các nhà nghiên cứu ở các thời đại khác nhau đã có những sự kế thừa, học tập lẫn nhau và sáng tạo để đưa ra những cách lý giải sao cho thỏa đáng về xã hội Mỹ, con người Mỹ, văn hóa Mỹ. Vì vậy, khi phân tích và nghiên cứu đặc điểm văn hóa Mỹ, không thể chỉ phụ thuộc vào một thuyết cố định mà cần có cách giải thích tổng quát, bởi vì mỗi thuyết đó chỉ phản ánh được một góc độ của xã hội Mỹ, phụ thuộc vào bối cảnh sinh ra chúng, và “đôi khi chúng xơ cứng đến mức chỉ lý giải một tầng văn hóa nào của thời điểm ấy, chứ không lý giải

được các tầng văn hóa tiếp theo” (18). Điều cốt lõi ở đây là cần tìm thấy một hướng chủ đạo gợi mở cho các nhà nghiên cứu.

2. Lý giải “chủ nghĩa cá nhân” theo góc độ một số học thuyết lịch sử và văn hóa

Chủ nghĩa cá nhân là một giá trị văn hóa đặc trưng nhất, gần như không thể thiếu khi nói đến lịch sử văn minh Hoa Kỳ. Nó được ươm mầm trong lòng xã hội Mỹ từ năm 1620 với làn sóng các Cha theo Thanh giáo cấp tiến di dân sang Mỹ nhằm trốn tránh sự đàn áp tôn giáo của chính phủ châu Âu và tìm một mảnh đất truyền giáo mới. Chủ nghĩa cá nhân ở Mỹ có nguồn gốc từ châu Âu nhưng được nuôi dưỡng và phát triển trong một môi trường tự nhiên thuận lợi hơn nên không còn mang bản sắc khởi thủy nữa. Chủ nghĩa cá nhân là một yếu tố cốt lõi của bản sắc dân tộc Mỹ. Nó và những tư tưởng phát sinh ra nó đã lưu dấu trong đời sống cũng như mọi hành vi ứng xử của người Mỹ. Vì vậy, với mục đích làm rõ các cách lý giải khác nhau của các học thuyết đối với một đặc trưng trong nền văn minh Mỹ, tác giả xin lấy chủ nghĩa cá nhân làm ví dụ chứng minh.

Chủ nghĩa cá nhân và việc đề cao vai trò cá nhân của người Mỹ được hiểu theo hai nghĩa, một là có tính chất khác biệt so với người khác, làm mọi việc theo cách riêng của mình; hai là đề cao vai trò của cá nhân trong xã hội (19). Theo nghĩa thứ nhất, một nền văn hóa đề cao vai trò từng cá thể và tính cá nhân thường theo quan điểm mình là duy nhất và rất khác biệt với các nền văn hóa khác. Điều này tương ứng với việc nước Mỹ tự cho mình là một ngoại lệ, và ngoại lệ này luôn hơn hẳn các quốc gia khác trên thế giới. Theo nghĩa thứ hai, chủ nghĩa cá nhân có nghĩa “là sự khẳng định các quyền của cá nhân và từng nhóm đối lập với tập thể”, và mở rộng ra là

“bảo hộ các thực thể văn hóa nhỏ chống các thực thể lớn” (20). Đó không phải là sự ích kỷ mà là mỗi cá nhân cần phải thành công để đưa cả xã hội cùng tiến lên. Đối với Mỹ, chủ nghĩa cá nhân đúng ở cả hai nghĩa. Tuy nhiên, mỗi một nhà Hoa Kỳ học lại vận dụng học thuyết của mình để giải thích chủ nghĩa cá nhân theo một nhãn quan riêng của mình tùy thuộc và diễn biến của đất nước.

Trong tác phẩm *“Dân chủ ở Mỹ”*, Alexis de Tocqueville lập luận rằng, chủ nghĩa cá nhân của Mỹ là kết quả tất yếu của nền dân chủ và sự công bằng. Ông nhận xét rằng: “Tôi đã chỉ rõ mức độ bình đẳng khi mọi người đều tìm kiếm ý kiến của mình ngay trong chính bản thân họ; và đến nay tôi sẽ chỉ rõ những tình cảm của con người hướng đến bản thân mình như thế nào” (21). Ông cũng phân biệt khái niệm mới về hành vi này của con người với tính ích kỷ cá nhân vốn có. Để nêu rõ sự khác biệt giữa chủ nghĩa cá nhân Mỹ với tính ích kỷ, ông khẳng định: “Chủ nghĩa cá nhân là một suy nghĩ chín chắn và bình tĩnh, nó thúc đẩy mỗi thành viên của cộng đồng tự phục vụ bản thân mình và tự tách mình ra khỏi gia đình và bạn bè của mình, để khi anh ta tạo được cho mình một chút ít nào đó cho bản thân, anh ta sẽ sẵn sàng rời bỏ xã hội nói chung” (22). Tocqueville đã cho rằng: “Khi điều kiện xã hội trở nên công bằng hơn, sẽ có một số ngày càng lớn người có trình độ giáo dục và may mắn tự thoả mãn nhu cầu của mình, mặc dù họ không đủ giàu và không đủ quyền lực đến mức có thể gây ảnh hưởng đến bạn bè và người xung quanh. Họ không hề nợ bất kỳ ai, họ chỉ có thói quen thường tự coi mình là duy nhất, và họ buộc phải tự nghĩ rằng vận mệnh của họ nằm trong chính tay họ” (23).

Tuy nhiên, Tocqueville đã thể hiện hai cách suy nghĩ khác nhau về chủ nghĩa cá nhân Mỹ. Trích dẫn sau cho chúng ta thấy

rõ hơn mặt yếu của việc đề cao cá nhân của người Mỹ: “Các cộng đồng dân chủ... thường xuyên chấp nhận những người say mê với quyền lực mới của mình, mặc dù hôm qua, khi họ đến vẫn chỉ dựa hoàn toàn vào điều kiện độc lập của họ. Họ tận hưởng sự tự tin quá mức vào sức mạnh của bản thân, và do họ không nghĩ là có những trường hợp họ cần phải dựa vào sự giúp đỡ của người khác, họ không hề đắn đo thể hiện là họ không quan tâm đến ai ngoài bản thân họ” (24).

Còn đối với nhà sử học *Federick Jackson Turner* thì những kinh nghiệm ban đầu trong việc đấu tranh tồn tại và sau đó là trồng trọt trên vùng đất rộng và hoang vu đã có một ảnh hưởng sâu sắc và lâu bền đối với tính cách Mỹ. Nó củng cố cho tinh thần độc lập, bởi vì những con người tiên phong đã đi trước cả chính phủ. Nó đòi hỏi họ phải có tinh thần độc lập và tự tin. Nó khuyến khích tính bình đẳng: những gì một cá nhân có thể làm có tầm quan trọng hơn bản thân họ hay gia đình họ là ai. Nó tạo nên đức tính liên tục, đó là “muốn tiến lên tiếp” mà nhiều người vẫn thấy ở người Mỹ hiện nay. Nó làm cho người Mỹ sẵn sàng “đứng dậy và bước đi” đến một nơi nào đó vì một điều gì tốt hơn. Nó tạo ra một mức độ nào đó đức tính ngang bướng bởi vì những người yếu và không đủ sức mạnh sẽ không tồn tại ở vùng đất đầu tiên. Và cuối cùng, có thể nó đã góp phần phát triển một tính cách mà thường được người Mỹ nhắc đến - đó chính là chủ nghĩa cá nhân. Ông nhận xét “chính nhờ người tiên phong mà trí tuệ Mỹ tạo nên những đặc tính đáng chú ý của mình. Đó chính là sự thô thiển (coarseness) của sức mạnh phối hợp với sự sắc xảo và lòng ham mê, chính là quyết định thực tế và sáng tạo, nhanh chóng tìm kiếm điều có ích... chính là sự nhanh chóng nắm bắt, mặc dù

thiếu tính nghệ thuật nhưng có đầy đủ sức mạnh để tác động đến các mục đích lớn, chính là năng lực không hề mệt mỏi và không biết lo lắng, và chính là chủ nghĩa cá nhân nổi trội phần đầu vì cả điều tốt lẫn điều xấu ở trên vùng đất này..." (25).

Cách nhìn nhận này nhấn mạnh đến sự thờ ơ của con người tiên phong đối với sự quản lý của chính phủ, mà trong nhiều trường hợp, anh ta có thể sẽ sử dụng luật pháp vào mục đích của mình và sẵn sàng áp đặt trật tự lên xã hội miền biên cương. Quan điểm này cũng đề cập tính cương quyết thể hiện quyền được làm người Mỹ - đó là quyền được thách thức lại chính phủ tại toà án, thông qua hoạt động của các tổ chức hoặc vận động tranh cử Tổng thống hoặc vào Quốc hội, và thông qua hội nghị, các cuộc trao đổi, các sáng kiến cá nhân... "Chủ nghĩa cá nhân của Mỹ đã tạo điều kiện cho sự linh hoạt trong các công việc của chính phủ. Chính điều này góp phần hạn chế được khả năng nảy sinh của một hệ thống gây cản trở cho sự vận hành của chính phủ và tất cả những biểu hiện lầm lỗi vốn là hậu quả của những ý tưởng thiếu trình độ văn minh phát triển. Trong bối cảnh này cũng nên nhớ đến ảnh hưởng của điều kiện ở vùng tiên phong trong việc cho phép thực hiện các mối quan hệ kinh doanh linh hoạt, duy trì một hệ thống ngân hàng khá mạo hiểm tồn tại cùng với đồng tiền giấy vốn lạm phát" (26).

Theo thuyết phần vinh của David Potter thì chủ nghĩa cá nhân chính là kết quả của sự phần vinh và đến lượt nó sẽ dẫn đến một ý thức tập thể đặc biệt. Trong tác phẩm của mình, ông đã lập luận rằng điều kiện kinh tế phần thịnh của nước Mỹ có điều kiện khẳng định vị trí của mình trong xã hội. Đồng thời, nhằm khẳng định vị trí của mình, con người trở nên cạnh tranh với nhau. Theo ông, về nhân chủng học cấu tạo

con người Mỹ cũng có những điểm tương tự như những người gốc nhập cư nhưng chính điều kiện kinh tế dồi dào đã tạo nên đặc tính đề cao cá nhân trong cộng đồng và xã hội. Ông cho rằng con người Mỹ được sinh ra ở một điều kiện khác so với những người dân ở nước khác. Sự giàu có và thịnh vượng đã làm cho người Mỹ có thể lực tốt hơn, và có thể thực hiện được những ước muốn cá nhân của mình dễ dàng hơn vì bản thân họ đã được nuôi dưỡng trong một môi trường thuận lợi hơn (27). Chính vì mục đích khai thác tài nguyên có hiệu quả, khuynh hướng tập quyền được đẩy nhanh, phát triển mạnh trong thời kỳ tư bản công nghiệp. Vì vậy, tự do và kinh doanh đều là những con đẻ phụ thuộc vào sự phần vinh

Chủ nghĩa cá nhân ở Hoa Kỳ được hoàn thiện thêm bằng các học thuyết ra đời sau này về chủ nghĩa đa nguyên, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bình quân, biểu hiện ở sự bảo vệ tính đa dạng và bình đẳng, niềm tin rằng mọi cá thể đều có cùng một xuất phát điểm, cùng cơ hội ngang bằng nhau để tự do thể hiện khả năng và cạnh tranh công bằng trong cuộc chạy đua về phía trước. Lợi ích cá nhân không phải chỉ mang tính vị kỷ tiêu cực, mà trong ánh màu nhiệm của học thuyết Thanh giáo cấp tiến và hào quang của chủ nghĩa cá nhân, nó trở thành một động lực đáng tự hào của xã hội Mỹ. Cá nhân được ưu tiên. Cá nhân là tối quan trọng. Ý nghĩa của việc lợi ích cá nhân được tôn trọng và bảo toàn nhằm thúc đẩy sự bình đẳng và tự do trong một xã hội đa dạng. Tất cả mọi ý tưởng, mọi khuynh hướng của mọi trường phái đều có khả năng được đề xuất và thực hiện như nhau.

Với tất cả những nội dung đã được đề cập trong bài viết này, có thể rút ra một kết luận rằng các nhà sử học Mỹ, dựa trên một nền tảng tri thức họ được thừa hưởng sẽ tiếp tục đưa ra các cách giải thích khác

nhau về lịch sử và văn hoá Hoa kỳ. Các luận thuyết do họ sản sinh ra có thể không dễ được chấp nhận trong thời kỳ nó xuất hiện hoặc không đủ sức lý giải cho một khía cạnh, một giai đoạn nhưng tổng hợp lại nó tạo nên một nền tảng lý luận phong phú cho các nhà nghiên cứu về nước Mỹ. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho giới nghiên cứu ở Mỹ

chính là học thuyết nào sẽ là đường hướng chủ đạo cho công trình đang được lựa chọn và trường phái nào bạn sẽ tự đặt bản thân mình bởi vì nghiên cứu lịch sử không chỉ đơn thuần là đưa ra các sự kiện, các dẫn chứng mà còn là nghệ thuật. Và chiều hướng này cũng có tác động tới các nhà nghiên cứu lịch sử văn minh Hoa kỳ tại nhiều nước.

CHÚ THÍCH

(1), (2). Guy Thuillier và Jean Tulard: *Các trường phái lịch sử*. (Bản dịch). Nxb Thế giới, Hà Nội, 2002, tr. 6, 11.

(3). Tiếng Anh: the Puritan

(4). Tác phẩm này mô tả những nhóm người Thanh giáo Anh đặt chân đến Hà Lan và sau là định cư Vùng đất mới theo ý nguyện của Chúa (TG).

(5), (7), (8), (10), (12), (14), (17), (18), (20). Jean-Pierre Fichou, *Văn minh Hoa Kỳ*, bản dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998, tr. 6, 15-16, 17, 17-19, 25-29, 36-39, 39-40, 5, 55.

(6). Thuyết này được thể hiện qua tác phẩm "Democracy in America" do Alexis de Tocqueville viết, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1835 và sau đó tái bản năm 1840 và 1955. Tác phẩm này gồm hai tập, 5 cuốn. Tập I - 1 cuốn: *Bộ mặt nước Mỹ*. Tập II: gồm 4 cuốn. Cuốn I: *Ảnh hưởng của dân chủ đối với hành động của giới trí thức ở Mỹ*, cuốn II: *Ảnh hưởng của dân chủ đối với suy nghĩ của người Mỹ*, cuốn III: *Ảnh hưởng của dân chủ đối với hành vi và cuốn IV: Ảnh hưởng của dân chủ đối với tư tưởng và suy nghĩ của xã hội chính trị* cùng với phần phụ lục. Hiện tại tác phẩm này đã được dịch sang tiếng Việt với tiêu đề "Nền dân trị của Mỹ". Theo Tocqueville chính nền tảng dân chủ của hệ thống chính trị Mỹ đã là điều kiện cho những đặc tính văn hoá Mỹ hình thành và phát triển. Tác giả không nêu ra một chủ thuyết về dân chủ, nhưng tác phẩm này được giới sử học coi như là luận thuyết quan trọng để hiểu về xã hội và con người Mỹ.

(9). Thuyết về miền biên cương được Frederick Jackson Turner đề cập trong tác phẩm *The Frontier in American History* xuất bản năm 1892.

Học thuyết này thuộc thế hệ sử gia thứ 3 trong các thế hệ các nhà sử học của nước Mỹ đề cập đến quá trình hình thành và phát triển của Liên bang Mỹ.

(11). Thuyết này được David Potter chủ xướng trong cuốn "People of Plenty", xuất bản năm 1954. David Potter là một sử gia của Mỹ, muốn coi nền kinh tế thịnh vượng, giàu có của Liên bang Mỹ là nền tảng cho sự hình thành một số đặc tính của người Mỹ như tính ưa thử nghiệm, dám nghĩ dám làm... (TG)

(13). Thuyết này được Michael Kammen đưa ra trong tác phẩm "A People of Paradox" xuất bản lần đầu tiên năm 1974

(15). Thuyết Darwin xã hội là sự phát triển trên thuyết tiến hoá về tự nhiên của Charles Darwin (1835) được nhà triết học người Anh Herbert Spencer khởi xướng. Ông là một trong triết gia có ảnh hưởng trong việc vận dụng thuyết của Darwin vào giải thích sự tiến hoá của xã hội. Thuyết Darwin xã hội đã được vận dụng vào Mỹ trong thế kỷ XIX để giải thích chủ nghĩa tư bản, tự do thị trường hoặc là sự không hạn chế....

(16). *Social Darwinism and American Laisser-faire Capitalism. Bill of Right in Action* 19:2.

(19). Oxford Advance Learner's Dictionary - Oxford University Press, (2000), tr. 691.

(21), (22), (23), (24). Alexis de Tocqueville, *Democracy in America*. Phần II. 1835. Quyển 2. Tái bản. Virginia University, tr. 8, 9, 15, 9.

(25), (26). Frederick Jackson Turner. *The Frontier in American history*. Tái bản. Virginia University, 1997, tr. 9, 11

(27). David M. Potter, *People of Plenty - Economic Abundance and the American Character*. 1954, tr. 194-196.